

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tổ 9, phường Ý La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 28 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 140 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Khoản 2 Điều 39 và điểm b khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày

19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013; khoản 9 Điều 2 Thông tư số 22/2016/TT-BXD ngày 01/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Thành phố Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 22/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 về việc điều chỉnh giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3274/TTr-SXD ngày 20/12/2023 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Chính trang đô thị tổ 9, phường Ý La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Chính trang đô thị tổ 9, phường Ý La, với nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết Chính trang đô thị tổ 9, phường Ý La.

2. Đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc, quy hoạch và đầu tư xây dựng PLANTEC.

3. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Sở Xây dựng Tuyên Quang.

4. Địa điểm xây dựng: Tổ 9, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

5. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

5.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch.

+ Phía Bắc: Giáp ruộng lúa và trục đường giao thông đi phường Phan Thiết.

+ Phía Nam: Giáp trục đường Lê Lợi và phường Hưng Thành.

+ Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây: Giáp ruộng lúa và trục đường giao thông đi UBND phường Ý La.

5.2. Quy mô lập quy hoạch.

- Quy mô lập đề án Quy hoạch chi tiết: Khoảng 16,021 ha.

- Quy mô dân số: Khoảng 1.500 – 2.000 người.

6. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Hình thành một khu nhà ở, dịch vụ hỗn hợp trên cơ sở cải tạo chỉnh trang hạ tầng khu ở hiện hữu kết hợp với đầu tư xây dựng hạ tầng khu ở mới. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo khớp nối đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội giữa khu vực cải tạo chỉnh trang, khu ở mới và khu vực lân cận, phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn khu.

Tạo ra môi trường sống tốt cho cư dân đô thị; bảo đảm lợi ích của cộng đồng. Phục vụ cho nhu cầu phát triển của thành phố Tuyên Quang.

7. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu cho khu đất sẽ xác định cụ thể trong khi nghiên cứu lập quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực và phù hợp tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam như QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1.1	Đất nhóm nhà ở		
	Trường mầm non	m ² /1 Cháu	≥12
	Đất cây xanh nhóm ở	m ² /người	≥1
	Đất ở	m ² /người	18-25
1.2	Mật độ xây dựng		
	Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ	%	40-100
	Công trình dịch vụ - công cộng	%	≤ 40
	Đất thương mại dịch vụ và đất hỗn hợp cao tầng.	%	40-80
II	Hạ tầng kỹ thuật		
2.1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥21
	Đất bãi đỗ xe	m ² /người	≥2,5
2.2	Cấp nước		
	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	L/ng.ngđ	≥100
	Tỷ lệ cấp nước	%	100
	Cấp nước CC-TM-DV	L/m ² sàn	≥2
	Cấp nước trường học (trường mầm non)	L/cháu.ngđ	≥75
	Công trình cộng dịch vụ	% lượng nước sinh hoạt	≥10
	Nước tưới công viên, vườn hoa	L/m ² /ngđ	3
	Nước rửa đường	L/m ² /ngđ	0,4
2.3	Cấp điện		
	Cấp điện đơn vị ở	W/người	450
	Cấp điện công cộng, DVTM	W/m ² sàn	30
	Cấp điện trường học, nhà trẻ	kW/cháu	0,2
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,5
	Chiếu sáng đường phố	W/m ²	1
2.4	Thông tin liên lạc		
	Thuê bao sinh hoạt	thuê bao/hộ	2
2.5	Thoát nước thải		
	Nước thải sinh hoạt	% nước cấp	≥ 80%
2.6	Vệ sinh môi trường		
	Tiêu chuẩn CTRsh	kg/người/ngày	1,3
	Tiêu chuẩn CTR CC, TM, DV	%SH	20

8. Các yêu cầu đối với nội dung quy hoạch:

8.1. Nguyên tắc lập quy hoạch:

Khi lập quy hoạch để cải tạo, chỉnh trang đô thị phải đánh giá hiện trạng sử dụng đất, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố về văn hoá - xã hội, môi trường của đô thị, của khu vực lập quy hoạch để có giải pháp bổ sung, điều chỉnh hợp lý nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đô thị, bảo đảm yêu cầu sử dụng về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật; giữ gìn, phát huy được bản sắc, không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị.

Đối với khu vực phát triển, hình thành khu ở mới phải bảo đảm nguyên tắc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, tận dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, gắn kết chặt chẽ giữa khu vực phát triển mới và đô thị hiện có; bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện về hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; hài hòa giữa các khu vực phát triển mới với các khu vực dân cư hiện có; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và gìn giữ bản sắc của các khu vực.

Không gian quy hoạch kiến trúc phải đạt được các yêu cầu về tổ chức không gian, đảm bảo môi trường sống và làm việc đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn theo định hướng chung của khu vực. Cơ cấu sử dụng đất hợp lý, thuận lợi cho việc phân chia giai đoạn đầu tư xây dựng.

Quỹ đất cho các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh phải quy hoạch theo hướng tăng dần để tiệm cận với các chỉ tiêu của các khu vực phát triển mới.

Các tuyến đường phố mở mới hoặc các tuyến đường phố cải tạo mở rộng phải quy hoạch, thiết kế các công trình tiếp giáp với tuyến đường đồng bộ với các công trình liền kề, đảm bảo mỹ quan chung trên toàn tuyến; quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phải tính toán đến hiện trạng hình dạng các lô đất không đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan và an toàn trong xây dựng để điều chỉnh, hợp khối.

8.2. Dự báo phát triển:

Xác định quy mô dân số, tính chất, chức năng sử dụng đất theo quy hoạch và các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình.

Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy mô, dân số, đất đai, công trình xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật.

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, chỉ tiêu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

Các khu vực chỉnh trang, cải tạo nhằm cải thiện cảnh quan, kiến trúc, nâng cao chất lượng môi trường nhưng không làm thay đổi lớn chức năng sử dụng đất.

8.3 Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế

chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan.

8.4 Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Đây là khu vực được quy hoạch là khu chức năng đô thị hỗn hợp gắn với phát triển đô thị mới và khu dân cư hiện có, tổ chức không gian cần đảm bảo phù hợp xu hướng phát triển đô thị và kết hợp hài hòa với khu dân cư hiện có.

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo không gian sinh động, hài hòa với khu vực, phù hợp với các quy định và quy chuẩn xây dựng hiện hành, đảm bảo tính kết nối giữa khu vực dân cư hiện có và đơn vị ở mới; kết nối không gian của trục đường Lê Lợi, kết nối với trung tâm thành phố.

Xác định các phân vùng với các ý tưởng không gian chủ đạo, để đưa ra các nguyên tắc về tổ chức hình thái không gian kiến trúc nhằm tạo lập các liên kết hình ảnh, các hiệu quả thẩm mỹ và đặc trưng kiến trúc của từng khu vực, góp phần tạo nên hình ảnh kiến trúc theo một tổng thể kiến trúc chung của khu vực.

Đề xuất cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan trong khu vực nghiên cứu (*Khu vực cải tạo, chỉnh trang, khu vực phát triển mở rộng*), làm cơ sở cho công tác nghiên cứu thiết kế đô thị. Tổ chức các công trình điểm nhấn, trọng tâm của khu vực quy hoạch. Quy định về tầng cao xây dựng, khoảng lùi - chỉ giới xây dựng trên từng tuyến đường. Nghiên cứu hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo cho các công trình. Xác định hệ thống cây xanh, mặt nước, cao độ đường, vỉa hè, nền công trình, chiều cao không chế công trình, giải pháp tổ chức hệ thống các công trình ngầm trong khu vực.

8.5. Thiết kế đô thị:

Không gian kiến trúc cảnh quan được xác định với trọng tâm là lõi công viên xanh giữa khu đô thị, làm cơ sở cho việc thiết kế đô thị, các quy định kiểm soát phát triển theo quy định của pháp luật, góp phần hoàn thiện quy hoạch tổng thể, đảm bảo phát triển đô thị đồng bộ và bền vững.

Các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo hướng trục chính cảnh quan, theo hướng Đông Tây từ đường lớn quy hoạch hiện có tới lõi công viên. Chiều cao xây dựng công trình của từng khu vực trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với mật độ xây dựng và cảnh quan, cây xanh, mặt nước trong khu vực đô thị đã được quy định trong quy hoạch. Khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

Các tuyến đường phố mới hoặc các tuyến đường phố cải tạo mở rộng phải quy hoạch, thiết kế các công trình tiếp giáp với tuyến đường đồng bộ với các công trình liền kề, đảm bảo mỹ quan chung trên toàn tuyến; quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phải tính toán đến hiện trạng hình dạng các lô đất không đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan và an toàn trong xây dựng để điều chỉnh, hợp khối.

8.6. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, bao gồm các nội dung sau:

Quy hoạch cốt xây dựng đối với từng lô đất, phù hợp với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu chung của khu vực.

Xác định mạng lưới giao thông (*kể cả đường đi bộ nếu có*), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

Xác định mạng lưới giao thông hiện có làm cơ sở nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường hiện hữu.

Vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe.

Việc thiết kế nút giao tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng thông hành và an toàn giao thông khi dự án được đưa vào khai thác sử dụng.

Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; mạng lưới cấp nước đến mạng ống cấp III (*ống dịch vụ*), hòng cứu hỏa,... và các thông số kỹ thuật chi tiết; kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

Xác định nhu cầu cung cấp năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động; Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện; vị trí, quy mô các trạm biến áp (*nếu có*); mạng lưới đường dây điện cao thế, trung thế, hạ thế và chiếu sáng của khu vực. Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc đến từ cấp thuê bao kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị.

Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.

Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải. Các điểm tập trung chất thải rắn, điểm trung chuyển chất thải rắn.

8.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

8.8. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Đề xuất các giải pháp bố trí Tuynel, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cáp điện, thông tin liên lạc, các công trình có hạng mục tầng ngầm.

8.9. Kinh tế xây dựng:

Dự kiến sơ bộ về nhu cầu vốn về xây dựng các công trình kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

8.10. Quy định quản lý:

Đề xuất quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Thực hiện theo nội dung Điều 34 & 35 Luật quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 quy định những vấn đề cụ thể trong công tác quản lý theo nội dung của đồ án Quy hoạch đô thị.

9. Dự kiến các hạng mục cơ bản trong dự án:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan. Một số chức năng dự kiến sẽ triển khai đầu tư xây dựng như sau:

- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới, đất ở hiện trạng;
- Đất nhà ở xã hội;
- Đất hỗn hợp;
- Đất công trình dịch vụ - công cộng.
- Đất thương mại dịch vụ;
- + Đất giáo dục (*Trường mầm non*).
- + Đất văn hóa;
- Đất cây xanh;
- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật.

* Xác định quỹ đất nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Danh mục hồ sơ đồ án:

Hồ sơ sản phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng

vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

TT	Tên sản phẩm	Tỷ lệ
A	Phần bản vẽ	
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/5.000-1.2000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	1/500
7	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	1/500
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước	1/500
9	Bản đồ quy hoạch hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng	1/500
10	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động	1/500
11	Bản đồ quy hoạch Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn	1/500
12	Bản đồ tổng hợp đường, dây đường ống kỹ thuật	1/500
13	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có).	Tỷ lệ thích hợp
14	Các bản vẽ thiết kế đô thị	Tỷ lệ thích hợp
B	Phần văn bản	
1	Thuyết minh tổng hợp kèm bản vẽ thu nhỏ khổ A3	
2	Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt	
3	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị	
4	Văn bản pháp lý kèm theo	

12. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Thời gian thực hiện: năm 2023-2024

Thời gian hoàn thành: Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thời gian lập quy hoạch không bao gồm thời gian trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐT XD - H)

Nguyễn Mạnh Tuấn